

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VỚI CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

TS VŨ QUANG VINH*

Chủ nghĩa quốc tế (CNQT) của giai cấp công nhân (GCCN) là một trong những nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, là một nguyên tắc cơ bản chỉ đạo hoạt động của các ĐCS và CNQT. Mấu chốt của CNQT của GCCN là tình đoàn kết quốc tế dựa trên chính tính quốc tế được bắt nguồn từ địa vị kinh tế - xã hội của GCCN. Đoàn kết quốc tế của GCCN được thể hiện nổi bật trong sự thống nhất lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng, trong việc giải quyết đúng đắn giữa lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế. Báo cáo của BCH TƯ Đảng Khóa IX về các văn kiện Đại hội X của Đảng chỉ rõ bài học quan trọng thứ tư được rút ra từ thực tiễn đời mới là: "... phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới"¹.

1. Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân - một nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

Lịch sử gần 160 năm hình thành và phát triển của phong trào XHCN thế giới chứng tỏ sự đoàn kết quốc tế là nhân tố cực kỳ quan trọng tạo ra sức sống và phát

triển của phong trào, là nhân tố đảm bảo thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của các ĐCS và công nhân thế giới. Bất kỳ một đảng tiên phong của GCCN nào nếu xem nhẹ hoặc xa rời CNQT của GCCN sẽ phải đối mặt với những khó khăn, thách thức, trước hết là việc giữ vững bản chất GCCN của Đảng.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen nhấn mạnh: sự nghiệp giải phóng GCCN chỉ có thể thực hiện được bằng cách đồng thời giải phóng toàn thể nhân dân lao động. Trong quá trình tự giải phóng, từ bản chất quốc tế của GCCN và do sự liên hiệp quốc tế của GCTS để bóc lột GCCN và đàn áp phong trào công nhân, đoàn kết quốc tế của GCCN trở thành vấn đề có tính quy luật. Đoàn kết thống nhất GCCN là vấn đề được C. Mác coi là một trong "những nguyên tắc cơ bản của mọi phong trào công nhân nghiêm túc". Theo C. Mác, nguyên nhân thất bại của nhiều cuộc đấu tranh cách mạng lúc đó là do "... không có sự đoàn kết giữa công nhân thuộc các ngành lao động khác nhau trong mỗi nước và vì không có sự liên hiệp thân thiết giữa công nhân ở các nước khác nhau"².

Luận chứng một cách khoa học về tính tất yếu phải đoàn kết GCCN, C. Mác và Ph. Ăngghen đưa ra lời kêu gọi nổi tiếng: "*Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!*"³ Đó là lời hiệu triệu đầy tính chiến đấu, đã thể hiện cô đọng nội dung của CNQT vô sản, thôi thúc GCCN

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LỊCH SỬ ĐẢNG

đoàn kết đứng lên chống lại chế độ tư bản, giải phóng người lao động. Thực tiễn hóa chủ trương này, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đấu tranh không mệt mỏi để xây dựng tổ chức quốc tế, đấu tranh vì quyền lợi của những người lao động. Đồng minh của những người cộng sản (1847 -1852) là cơ sở để hình thành Quốc tế I (1864 - 1876), sau đó là Quốc tế II (1889-1914). Những tổ chức quốc tế này là hiện thân của CNQT, tạo ra sức mạnh đoàn kết đấu tranh trên toàn cầu của GCCN chống lại CNTB.

Sự phá sản của Quốc tế II chứng tỏ mục tiêu đoàn kết quốc tế của những người vô sản để đấu tranh chống lại GCTS đã bị lệch lạc, việc một số đại biểu trong Quốc tế II ủng hộ GCTS nước họ vì lợi ích dân tộc hẹp hòi, vì kỳ đã làm cho tính chiến đấu của Quốc tế II bị phân rã.

Kế tục một cách sáng tạo sự nghiệp vĩ đại của C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã đưa ra mẫu hình một chính đảng kiểu mới của GCCN với những nguyên tắc mácxít về CNQT vô sản trong điều kiện CNTB tự do cạnh tranh đã chuyển sang chủ nghĩa đế quốc. Kết hợp một cách biện chứng lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, V.I. Lênin đã giải quyết kịp thời sự khủng hoảng của Quốc tế II, đem lại sức mạnh vốn có của phong trào công nhân quốc tế. Trong cuộc cách mạng của GCCN, CNQT hòa quyện với chủ nghĩa yêu nước. Trong CNQT có tình yêu Tổ quốc, tự hào dân tộc, căm thù những kẻ áp bức, bóc lột, nguyện vọng giải phóng người lao động khỏi áp bức bất công, xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ... Sự vận dụng sáng tạo nguyên tắc mácxít về CNQT của GCCN được V.I. Lênin thể hiện tập trung ở việc sáng lập Quốc tế III - QTCS (3-1919). Quốc tế III ra đời là bước phát triển mới về chất sự đoàn kết quốc tế của các chính đảng kiểu mới của GCCN toàn thế giới.

Cuộc đấu tranh sôi nổi của công nhân các nước tư bản cuối thế kỷ XIX, cuộc cách mạng năm 1905 ở Nga, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và nhất là "sự thức tỉnh châu Á" là những nét nổi bật của tình hình cách mạng thế giới đầu thế kỷ XX. Hoàn cảnh lịch sử đầu thế kỷ XX, với sự phát triển không đều của

chủ nghĩa đế quốc, đã đưa đến nhận định của V.I. Lênin về việc GCCN có thể đoàn kết các giai tầng bị áp bức, làm cách mạng lật đổ CNTB và xây dựng xã hội mới. Theo V.I. Lênin: "Sự liên hiệp của những người vô sản cách mạng ở các nước tư bản tiên tiến với quần chúng cách mạng ở các nước không có hay hầu như không có giai cấp vô sản, với quần chúng ở các nước thuộc địa, các nước ở phương Đông đã trở thành hiện thực"⁴.

Hiện thực đó đã giúp QTCS do V.I. Lênin lãnh đạo hoàn chỉnh khẩu hiệu được đưa ra tại Đại hội I các dân tộc phương Đông (9-1920) với nội dung: "*Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!*"⁵.

Nguyên lý về sự giải phóng các dân tộc thuộc địa và sự đoàn kết giữa vô sản, nhân dân bị áp bức tất cả các nước của Lênin được Hồ Chí Minh tiếp thu từ rất sớm. Tham gia Đảng xã hội Pháp, tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, Người khẳng định: "Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"⁶.

Vận dụng sáng tạo CNQT của chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh ra sức hoạt động trong phong trào công sản quốc tế. Người đã cùng những người chủ trương gia nhập Quốc tế III tuyên bố lập Phân bộ Pháp của QTCS và Nguyễn Ái Quốc là một trong những người sáng lập ĐCS Pháp (1920), đồng thời cũng là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Tư tưởng đoàn kết quốc tế để giải phóng dân tộc mình và giải phóng các dân tộc thuộc địa thể hiện rõ trong hoạt động thực tiễn của Nguyễn Ái Quốc. Sau khi tham gia sáng lập ĐCS Pháp, Người đã đề nghị thành lập Ban nghiên cứu thuộc địa và tháng 1-1922, Người đã viết lời kêu gọi gửi nhân dân các nước thuộc địa: "... các anh em người bản xứ thấy rõ chúng tôi cùng anh em có chung một kẻ thù là bọn chủ của chúng tôi. Chúng tôi thành lập ở đây một chính đảng lớn đấu tranh - đấu tranh để giải phóng những người không có quyền hành ở chính quốc và cũng muốn đấu tranh để giải phóng những người bản xứ ở thuộc địa bị bắt làm nô lệ.

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LỊCH SỬ ĐẢNG

đoàn kết đứng lên chống lại chế độ tư bản, giải phóng người lao động. Thực tiễn hóa chủ trương này, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đấu tranh không mệt mỏi để xây dựng tổ chức quốc tế, đấu tranh vì quyền lợi của những người lao động. Đồng minh của những người cộng sản (1847 - 1852) là cơ sở để hình thành Quốc tế I (1864 - 1876), sau đó là Quốc tế II (1889-1914). Những tổ chức quốc tế này là hiện thân của CNQT, tạo ra sức mạnh đoàn kết đấu tranh trên toàn cầu của GCCN chống lại CNTB.

Sự phá sản của Quốc tế II chứng tỏ mục tiêu đoàn kết quốc tế của những người vô sản để đấu tranh chống lại GCTS đã bị lệch lạc, việc một số đại biểu trong Quốc tế II ủng hộ GCTS nước họ vì lợi ích dân tộc hẹp hòi, vì kỹ đã làm cho tính chiến đấu của Quốc tế II bị phân rã.

Kế tục một cách sáng tạo sự nghiệp vĩ đại của C. Mác và Ph. Ăngghen, V.I. Lênin đã đưa ra mẫu hình một chính đảng kiểu mới của GCCN với những nguyên tắc mácxít về CNQT vô sản trong điều kiện CNTB tự do cạnh tranh đã chuyển sang chủ nghĩa đế quốc. Kết hợp một cách biện chứng lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, V.I. Lênin đã giải quyết kịp thời sự khủng hoảng của Quốc tế II, đem lại sức mạnh vốn có của phong trào công nhân quốc tế. Trong cuộc cách mạng của GCCN, CNQT hòa quyện với chủ nghĩa yêu nước. Trong CNQT có tình yêu Tổ quốc, tự hào dân tộc, căm thù những kẻ áp bức, bóc lột, nguyện vọng giải phóng người lao động khỏi áp bức bất công, xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ... Sự vận dụng sáng tạo nguyên tắc mácxít về CNQT của GCCN được V.I. Lênin thể hiện tập trung ở việc sáng lập Quốc tế III - QTCS (3-1919). Quốc tế III ra đời là bước phát triển mới về chất sự đoàn kết quốc tế của các chính đảng kiểu mới của GCCN toàn thế giới.

Cuộc đấu tranh sôi nổi của công nhân các nước tư bản cuối thế kỷ XIX, cuộc cách mạng năm 1905 ở Nga, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và nhất là "sự thức tỉnh châu Á" là những nét nổi bật của tình hình cách mạng thế giới đầu thế kỷ XX. Hoàn cảnh lịch sử đầu thế kỷ XX, với sự phát triển không đều của

chủ nghĩa đế quốc, đã đưa đến nhận định của V.I. Lênin về việc GCCN có thể đoàn kết các giai tầng bị áp bức, làm cách mạng lật đổ CNTB và xây dựng xã hội mới. Theo V.I. Lênin: "Sự liên hiệp của những người vô sản cách mạng ở các nước tư bản tiên tiến với quần chúng cách mạng ở các nước không có hay hầu như không có giai cấp vô sản, với quần chúng ở các nước thuộc địa, các nước ở phương Đông đã trở thành hiện thực"⁴.

Hiện thực đó đã giúp QTCS do V.I. Lênin lãnh đạo hoàn chỉnh khẩu hiệu được đưa ra tại Đại hội I các dân tộc phương Đông (9-1920) với nội dung: "*Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!*"⁵.

Nguyên lý về sự giải phóng các dân tộc thuộc địa và sự đoàn kết giữa vô sản, nhân dân bị áp bức tất cả các nước của Lênin được Hồ Chí Minh tiếp thu từ rất sớm. Tham gia Đảng xã hội Pháp, tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, Người khẳng định: "Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba"⁶.

Vận dụng sáng tạo CNQT của chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh ra sức hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế. Người đã cùng những người chủ trương gia nhập Quốc tế III tuyên bố lập Phân bộ Pháp của QTCS và Nguyễn Ái Quốc là một trong những người sáng lập ĐCS Pháp (1920), đồng thời cũng là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Tư tưởng đoàn kết quốc tế để giải phóng dân tộc mình và giải phóng các dân tộc thuộc địa thể hiện rõ trong hoạt động thực tiễn của Nguyễn Ái Quốc. Sau khi tham gia sáng lập ĐCS Pháp, Người đã đề nghị thành lập Ban nghiên cứu thuộc địa và tháng 1-1922, Người đã viết lời kêu gọi gửi nhân dân các nước thuộc địa: "... các anh em người bản xứ thấy rõ chúng tôi cùng anh em có chung một kẻ thù là bọn chủ của chúng tôi. Chúng tôi thành lập ở đây một chính đảng lớn đấu tranh - đấu tranh để giải phóng những người không có quyền hành ở chính quốc và cũng muốn đấu tranh để giải phóng những người bản xứ ở thuộc địa bị bắt làm nô lệ.

Chúng tôi sát cánh cùng các bạn trong cuộc kháng chiến và đấu tranh của các bạn chống sự tham tàn của bọn thực dân, sự hung bạo của bọn cai trị và binh lính, bọn này có những tên đồng lõa là bọn quan lại bản xứ”⁷.

Theo Nguyễn Ái Quốc, muốn giải phóng dân tộc thoát khỏi ách thực dân, CNDQ, nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc không thể đấu tranh đơn độc mà phải gắn liền phong trào cách mạng trong nước với cách mạng thế giới, phải ủng hộ lẫn nhau để đưa cách mạng đến thắng lợi.

Tư tưởng đó đã theo suốt cuộc đời hoạt động cách mạng không mệt mỏi của Người. Đoàn kết quốc tế là một phần quan trọng trong tư tưởng của Người về kết hợp giữa nội lực và ngoại lực để giải phóng dân tộc, xây dựng một xã hội “dân giàu, nước mạnh”. Lịch sử đã chứng tỏ sự đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết chân chính:

“Quan san muôn dặm một nhà

Bốn phương vô sản đều là anh em!”⁸.

Đoàn kết quốc tế trong tư tưởng của Người bao gồm nhiều mặt: Đoàn kết GCVS thế giới; đoàn kết nhân dân các nước thuộc địa đấu tranh cho độc lập, tự do; đoàn kết giữa vô sản và nhân dân bị áp bức các nước. Đoàn kết quốc tế là tất yếu nhưng phải thực hiện theo những nguyên tắc nào? Về lý luận và thực tiễn, Hồ Chí Minh đã xác định những nguyên tắc trong quan hệ giữa các ĐCS và công nhân, các tổ chức dân chủ và tiến bộ trên thế giới. Quá trình hoạt động cách mạng của Người để lại một số nguyên tắc cơ bản về đoàn kết quốc tế sau đây:

Một là, tính tất yếu của mối quan hệ giữa các ĐCS, công nhân và các tổ chức chính trị tiến bộ.

Từ nhận thức về sự đối kháng giữa người bị áp bức và những kẻ áp bức, Hồ Chí Minh nhận thức được tính tất yếu của sự đoàn kết giữa các dân tộc thuộc địa, nhân dân bị áp bức trên thế giới để chống lại sự liên kết mang tính quốc tế của chủ nghĩa thực dân, đế quốc: “Ngày nay chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới một trình độ hoàn bị gần như khoa học. Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh phục những người vô sản thuộc địa. Sau đó lại tung những người vô sản thuộc địa này đi đánh

những người vô sản ở thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng”⁹.

Hai là, tập hợp lực lượng cách mạng trong thực hiện mục tiêu của mình, giữ vững tính độc lập tự chủ trên tinh thần quốc tế chân chính.

Hồ Chí Minh nhận thấy GCVS và nhân dân lao động thế giới có mục tiêu chung là đấu tranh cho độc lập, tự do, xây dựng xã hội hạnh phúc, tiến bộ. Trong quan hệ với các ĐCS, công nhân, Người luôn nhất quán mục tiêu: “... xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”¹⁰. Người chủ trương xác lập quan hệ với các đảng, các tổ chức chính trị khác trên cơ sở độc lập, bình đẳng, tranh thủ sự giúp đỡ cao nhất, kiên trì giữ vững quan điểm của mình, chịu trách nhiệm với dân tộc mình và phong trào cách mạng thế giới.

Ba là, quan hệ với các ĐCS, công nhân “có lý, có tình”.

Là một người suốt đời hoạt động và có nhiều đóng góp cho phong trào cộng sản, CNQT, Hồ Chí Minh xác định trước hết phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, xuất phát từ lợi ích chung của cách mạng thế giới. Bên cạnh đó, sự thông cảm, tôn trọng nhau trên tinh thần, tình cảm của những người có chung lý tưởng, mục tiêu đấu tranh, khắc phục tư tưởng “nước lớn”, “đảng lớn”. “Có tình” là một nội dung của chủ nghĩa nhân văn cộng sản Hồ Chí Minh. Trước khi từ biệt thế giới này, Người căn dặn: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đặc lực vào việc khôi phục khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”¹¹.

2- Đảng cộng sản Việt Nam góp phần xây dựng sự đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân

Ngay từ khi mới ra đời, ĐCS Việt Nam đã coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, coi trọng sự thống nhất giữa lợi ích của GCCN với lợi ích dân tộc, tôn trọng lợi ích chính đáng của các dân tộc, GCCN, nhân dân lao động các nước khác. Lợi ích

đó được Hồ Chí Minh long trọng tuyên bố trong *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (2-9-1945): “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”¹².

Chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam là hòa bình, hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ với nhau, giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng hòa bình.

Với đường lối quốc tế đúng đắn, chúng ta đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn ngay từ khi Đảng mới ra đời. Sự chỉ đạo của QTCS, sự giúp đỡ của ĐCS Liên Xô, ĐCS Pháp, ĐCS Trung Quốc... trong những lúc cách mạng gặp khó khăn, là những đóng góp to lớn vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự giúp đỡ to lớn của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới giúp chúng ta đánh thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bước đầu đổi mới đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

Đường lối đối ngoại đổi mới được khởi động từ Đại hội VI (1986), chính thức từ Nghị quyết 13 của Bộ chính trị (5-1988) và được công khai tuyên bố với thế giới từ Đại hội VII (1991): “Với chính sách đối ngoại rộng mở, chúng ta tuyên bố rằng: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”¹³.

Đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển tiếp tục được khẳng định tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ Khóa VII (1-1994) và Đại hội VIII (6-1996); tiếp tục được khẳng định và nâng tầm tại Đại hội IX: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”¹⁴ và “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực...”¹⁵.

Chủ trương đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế và tham gia hợp tác khu vực là sự phát triển biện chứng, quan trọng trong tư duy của Đảng về đường lối, chính sách đối ngoại, phù hợp với quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh. Đó là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh về: “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”¹⁶ và đề Việt Nam “ít kẻ thù hơn hết, nhiều bạn đồng minh hơn hết”, mở rộng tối đa quan hệ quốc tế của Việt Nam.

Trước xu thế khu vực hóa, quốc tế hóa diễn ra mạnh mẽ, trong đường lối đối ngoại của Đảng đã đặt cao nhiệm vụ chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế do yêu cầu nội tại của nền kinh tế nước ta cần mở rộng thị trường, tranh thủ vốn và công nghệ phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH.

Đại hội X quán triệt chủ trương “... Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực”¹⁷.

Đại hội X đã đặt ra cho đất nước ta một số nhiệm vụ cơ bản về đối ngoại như sau:

Một là, triển khai thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại do Đại hội Đảng lần thứ X đề ra.

Hai là, không ngừng củng cố và phát triển quan hệ ổn định lâu dài với các nước trong khu vực và các nước lớn, đưa các mối quan hệ đối tác đã được thiết lập đi vào chiều sâu.

Ba là, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là hoàn thành đàm phán để gia nhập WTO, tích cực chuẩn bị tranh thủ thời cơ, đối phó với thách thức nảy sinh sau khi gia nhập. Tiếp tục phát huy vai trò, vị thế của Việt Nam trong các tổ chức quốc tế và khu vực, đảm bảo lợi ích của ta đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển.

Bốn là, chuẩn bị chu đáo để tổ chức thành công Hội nghị APEC lần thứ 14 tại Hà Nội, tạo dấu ấn Việt Nam

trong tâm thức bạn bè quốc tế ở sự kiện ngoại giao lớn nhất Việt Nam năm 2006 này.

Năm là, tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác với người Việt Nam ở nước ngoài, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, đồng thời vun đắp quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước có cộng đồng người Việt.

Sáu là, phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại và quốc phòng, an ninh, tạo nên sự đan xen nhiều tầng nấc về quan hệ và lợi ích, góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp của công tác đối ngoại¹⁸.

Giữ vững nguyên tắc chiến lược, mềm dẻo trong sách lược, thành công của đường lối đối ngoại của ĐCS Việt Nam trong 20 năm đổi mới một lần nữa chứng tỏ ĐCS Việt Nam đã vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế trong điều kiện mới như chính sự khẳng định của Người: “Chính vì đã biết kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế và của các dân tộc bị áp bức, mà Đảng ta đã vượt qua được mọi khó khăn, đưa giai cấp công nhân và nhân dân ta đến những thắng lợi vẻ vang ngày nay”¹⁹.

1. Báo *Nhân dân*, ngày 19-4-2006, tr.3

2. *C. Mác và Ph. Ăngghen Tuyển tập*, ST, H, 1980, T.1, tr.614

3. *C. Mác và Ph. Ăngghen Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.4, tr.646

4. *V.I. Lênin Toàn tập*, Tiên bộ, Mátxcova 1978, T.41, tr.200

5. *S&L*, T.42, tr.86

6, 8, 10, 19. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1996, T.10, tr.127, 195, 512, 19

7, 9. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, T.1, tr.449, 246

13. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, ST, H, 1991, tr.147

14, 15. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2001, tr.42, 43

16. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.5, tr.220

17. Báo *Nhân dân*, ngày 19-4-2006, tr.4

18. Xem: Lê Công Phụng: *Thành tựu đối ngoại năm 2005: nhìn lại và suy nghĩ*. <http://www.nhandan.com.vn>

NHỮNG VẤN ĐỀ LỊCH SỬ ĐẢNG...

(Tiếp theo trang 53)

5. Báo *Phụ nữ thủ đô*, số 16 (801) ngày 19 đến ngày 25-4-2006 có bài “*Người cộng sản trọn đời vì dân, vì nước*”, trang 11, viết: Năm 1933, QTCS cử Hà Huy Tập về nước qua con đường Trung Quốc. Viết như vậy chưa chính xác. Viết đúng là năm 1932, học xong, Hà Huy Tập được phái về nước qua con đường Pháp nhưng không trót lọt, phải trở lại Liên Xô rồi qua Trung Quốc.

Cũng bài báo này viết: “Ngày 1-8-1933, Hà Huy Tập bàn với Lê Hồng Phong ở Quảng Châu về việc thành lập Ban chỉ huy ở ngoài”. Viết như vậy là không đúng. Ban chỉ huy ở ngoài thành lập dưới sự chỉ đạo của Bộ phương Đông của QTCS. Ban chỉ huy ở ngoài có ba người, trong đó hai người do QTCS chỉ định⁸.

Điểm qua một số bài viết về Hà Huy Tập đăng trên báo và tạp chí vừa qua, tôi thấy đây là những vấn đề cần rút kinh nghiệm chung và người viết lịch sử cần nghiên cứu kỹ, nắm chắc tư liệu lịch sử để viết cho đúng.

1, 2. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.6, tr.358, 370

3. *Luận cương và Nghị quyết của Đại hội VI Quốc tế cộng sản*, Đảng cộng sản Pháp xuất bản 1928, Paris (phần thứ tư)

4. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 1999, T.4, tr.519

5. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.6, tr.155

6. Báo *Dân chúng*, số 41, tr.4, cột 5

7, 8. Xem: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 1999, T.4, tr.298, 518.